

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/LĐ-ST
Ngày: 11-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo – Giáo viên hưu trí

Ông Nguyễn Thanh Cần – Hội viên Hội Luật gia

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 27/2025/TLST-LĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng lao động, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị Thảo L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp A, xã L, tỉnh An Giang. (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: lô C, C, C3, C4 đường N5, Khu công nghiệp N mở rộng, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1.

Địa chỉ: khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1997

Địa chỉ: số nhà E, tổ B, ấp L, xã L, tỉnh An Giang; nơi ở hiện nay: phòng 14 nhà trọ Phạm Văn P, khu phố Ô, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Vào khoảng tháng 4/2011, bà Huỳnh Thị Thảo L làm việc tại Doanh nghiệp tư nhân H1 (H1) và bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội với thông tin là Huỳnh Thị Thảo L, CMND số 352267967 và có mã số sổ bảo hiểm 7411048062. Sau đó, bà L luân chuyển qua Công ty TNHH T2 (Công ty T2) và tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 7411048062.

Cách đây vài năm bà L cũng đã không làm ở bất cứ công ty nào nữa và có ý định rút bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên đến nay bà L vẫn chưa rút được bảo hiểm vì lý do khi liên hệ làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội thì phía Cơ quan Bảo hiểm xã hội phát hiện ra bản thân bà L có đến hai sổ bảo hiểm xã hội, cụ thể như sau: Sổ bảo hiểm xã hội số 7411048062 tham gia từ tháng 4/2011 đến tháng 12/2013 tại H1, từ tháng 6/2014 đến tháng 02/2018 tại Công ty T2. Sổ bảo hiểm xã hội số 7414002183 tham gia từ tháng 3/2014 đến tháng 02/2017 tại Công ty TNHH T (Công ty T), từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2021 tại Công ty TNHH E (Công ty E1). Trên thực tế, bà L chỉ có làm việc tại 3 công ty là H1, Công ty T2, Công ty E1.

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 02/2017, bà L chưa từng làm tại Công ty T nên việc có thông tin bà L đã đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian đó là không đúng. Sau khi tìm hiểu vụ việc bà L mới biết được em của bà L là bà Nguyễn Thị Bé H đã từng làm tại Công ty T. Trước đây, bà H do không đủ tuổi đi làm nên đã lấy thông tin Chứng minh nhân dân (CMND) của bà L để xin đi làm tại công ty. Sau này khi bà H đủ tuổi đã dùng đúng thông tin của mình để đăng ký đi làm, không lấy thông tin bà L nữa. Do không hiểu rõ pháp luật cũng như các quy định về bảo hiểm xã hội nên khi Công ty T yêu cầu bà H cung cấp thông tin để đăng ký bảo hiểm xã hội, bà H đã không thông báo Công ty sửa lại thông tin của mình mà vẫn lấy thông tin của bà L đăng ký nên mới gây nên hậu quả là cùng một người nhưng lại có hai sổ bảo hiểm xã hội cùng một thời gian nhưng ở hai công ty khác nhau. Sau khi bà H nghỉ việc ở Công ty T thì được công ty trả lại sổ bảo hiểm, bà H đã đem về nhà trọ cất chung nơi cất sổ bảo hiểm với bà L, do không cẩn thận và thấy sổ bảo hiểm tên giống nhau nên khi bà L làm ở Công ty E1 thì bà L đã lấy nhầm sổ bảo hiểm của bà H (là Sổ bảo hiểm xã hội mang tên bà L nhưng do bà H đã lấy thôi tin bà L để đăng ký) cung cấp cho Công ty E1. Chính vì thế khi tham gia bảo hiểm xã hội ở Công ty E1 thì bà L tham gia với mã số 7414002183.

Nhận thấy, việc bà H dùng thông tin của bà L để ký kết hợp đồng lao động với Công ty T và đã dùng thông tin của bà L để tham gia Bảo hiểm xã hội cho bà H với tên của bà L là không đúng theo quy định pháp luật. Việc này đã ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, bà L yêu cầu

Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và giải quyết: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Huỳnh Thị Thảo L và Công ty TNHH T (trong khoảng thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 02/2017) vô hiệu vì vi phạm nguyên tắc “Trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2, Điều 16 của Bộ Luật Lao động. Bà L tự nguyện chịu toàn bộ án phí, lệ phí theo quy định.

- Bị đơn Công ty TNHH T không trình bày ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bé H và bà Huỳnh Thị Thảo L là chị em họ hàng của nhau. Trước đây, do bản thân bà H trình độ không cao, cũng không đủ tuổi lao động nhưng vì gia đình khó khăn nên nếu lấy thông tin của cá nhân bà H đi làm thì sẽ rất khó, nghe thông tin truyền nhau của một số người ở quê là mượn CMND của người quen thì có thể dễ dàng đi làm hơn. Chính vì thế bà H đã mượn CMND của bà L để lấy thông tin đi làm tại công ty ở Bình Dương.

Vào khoảng tháng 3/2014, bà H dùng thông tin của bà Huỳnh Thị Thảo L để xin vào làm việc tại Công ty T và được công ty cho tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 7414002183. Bà H làm việc tại Công ty T đến tháng 02/2017 thì đã nghỉ việc. Bà H chưa thực hiện việc rút bảo hiểm xã hội một lần, chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp.

Do không hiểu rõ pháp luật cũng như các quy định về bảo hiểm xã hội nên khi Công ty T đăng ký bảo hiểm thì bà H đã không thông báo Công ty về việc này để Công ty sửa lại thông tin của mình mà vẫn lấy thông tin của bà Huỳnh Thị Thảo L để đăng ký tham gia bảo hiểm. Chính vì thế nên mới xảy ra việc là cùng một người lại tham gia bảo hiểm xã hội cùng một thời gian nhưng ở hai công ty khác nhau. Việc cung cấp sai thông tin cho phía Công ty T để tiến hành ký kết hợp đồng lao động xuất phát từ việc muốn thuận tiện cho việc xin việc làm, trang trải cuộc sống gia đình. Bản thân bà H không nghĩ sẽ dẫn đến vụ việc như ngày hôm nay là làm cho bà L không thể tiến hành rút bảo hiểm xã hội được.

Do đó, đối với yêu cầu của bà L về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Huỳnh Thị Thảo L (do bà H mượn thông tin để làm việc) và Công ty TNHH T (trong khoảng thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 02/2017) vô hiệu thì bà H hoàn toàn thống nhất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1 trình bày:

Huỳnh Thị Thảo L, sinh ngày 08/8/1993, số Chứng minh nhân dân: 352267967 (số C công dân: 089193011272) có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) tại Công ty T với mã số BHXH 7414002183 từ tháng 3/2014 đến tháng 02/2017. Theo quy định hiện hành về đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTN cơ quan BHXH không lưu giữ

hợp đồng lao động và các giấy tờ tùy thân của người lao động mà do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ. Tại thời điểm tra cứu, thông tin giải quyết hưởng các chế độ BHXH, BHTN như sau: Mã số 7414002183, bà Huỳnh Thị Thảo L chưa hưởng BHXH 1 lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN. Trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu đề nghị Q tòa tuyên buộc người mượn hồ sơ tư pháp đi làm việc và tham gia BHXH, BHTN được điều chỉnh thông tin nhân thân đúng của người lao động.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bé H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Cơ sở T1 vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Huỳnh Thị Thảo L khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động vô hiệu. Bị đơn Công ty TNHH T có trụ sở tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào khoản 5 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bé H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Cơ sở Tân Uyên vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về nội dung: bà Huỳnh Thị Thảo L và bà Nguyễn Thị Bé H đều thống nhất nội dung là bà H là người trực tiếp tham gia giao kết hợp đồng lao động với Công ty T từ tháng 3/2014 đến tháng 02/2017 với tên Huỳnh Thị Thảo L. Quá trình làm việc, Công ty T tham gia đóng bảo hiểm cho bà H với tên Huỳnh Thị Thảo L theo mã số BHXH 7414002183 và chưa hưởng BHXH 1 lần, chưa hưởng trợ cấp BHTN. Xét thấy, việc bà H sử dụng thông tin của bà L để giao

kết hợp đồng lao động với Công ty T là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động. Do đó, việc bà L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Huỳnh Thị Thảo L (do bà Nguyễn Thị Bé H thực hiện) và Công ty T trong thời gian từ tháng 3/2014 đến tháng 02/2017 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: nguyên đơn tự nguyện chịu án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 32, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thảo L đối với bị đơn Công ty TNHH T về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Huỳnh Thị Thảo L và Công ty TNHH T, thời gian làm việc từ tháng 3/2014 đến tháng 02/2017 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Án phí lao động sơ thẩm: bà Huỳnh Thị Thảo L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046387 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung